

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016

Hà Nội, tháng 03 năm 2017

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 6 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 8 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 9 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 10 |



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông (Sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|------------------------|----------------------------|
| Ông Đinh Văn Tiến | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Bà Vũ Thị Mai | Thành viên |
| Bà Lê Thị Minh Hương | Thành viên |
| Ông Phạm Trung Thành | Thành viên |
| Ông Nguyễn Việt Bình | Thành viên |
| Ông Bùi Đình Mạnh | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Bích Nga | Thành viên |

Ban Giám đốc

| | |
|----------------------|--------------|
| Ông Phạm Trung Thành | Giám đốc |
| Ông Bùi Đình Mạnh | Phó Giám đốc |
| Bà Vũ Thị Mai | Phó Giám đốc |
| Ông Nguyễn Việt Bình | Phó Giám đốc |

Kế toán trưởng

| | |
|---------------------|----------------|
| Bà Lê Thị Bích Hồng | Kế toán trưởng |
|---------------------|----------------|

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Phạm Trung Thành
Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 03/03/2017, từ trang 6 đến trang 28 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty.

Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và linh hoạt của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K, các kiểm toán viên đã đưa ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 0666-2014-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA
Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2017

Mai Việt Hùng
Kiểm toán viên
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 2334-2014-112-1


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 68.106.820.439 | 77.306.312.183 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 20.979.461.436 | 27.070.336.030 |
| Tiền | 111 | | 16.979.461.436 | 19.070.336.030 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 4.000.000.000 | 8.000.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 43.462.782.247 | 44.948.859.675 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5 | 42.454.734.919 | 34.193.675.575 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 159.123.000 | 7.830.002.924 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 6 | 848.924.328 | 3.243.756.176 |
| Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | - | (318.575.000) |
| Hàng tồn kho | 140 | | 3.459.877.504 | 5.287.116.478 |
| Hàng tồn kho | 141 | 7 | 3.459.877.504 | 5.287.116.478 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 204.699.252 | - |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 12 | 201.696.281 | - |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | 3.002.971 | - |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 58.265.629.603 | 53.811.080.534 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| Tài sản cố định | 220 | | 55.554.555.783 | 49.721.222.044 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 9 | 55.554.555.783 | 49.721.222.044 |
| - Nguyên giá | 222 | | 104.707.754.426 | 90.473.121.594 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (49.153.198.643) | (40.751.899.550) |
| Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | 2.745.454.545 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 241 | | - | - |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 8 | - | 2.745.454.545 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 2.711.073.820 | 1.344.403.945 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 12 | 2.711.073.820 | 1.344.403.945 |
| TỔNG TÀI SẢN | 270 | | 126.372.450.042 | 131.117.392.717 |


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 20.589.284.895 | 62.136.108.067 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 20.589.284.895 | 62.136.108.067 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 10 | 5.326.532.972 | 17.159.441.464 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | - | 2.391.792.750 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 11 | 5.274.449.064 | 7.573.708.102 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 196.347.921 | 6.602.642.398 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | - | 3.905.630.909 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 13 | 250.744.344 | 13.804.402.577 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 14 | 5.500.000.000 | 5.500.000.000 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 4.041.210.594 | 5.198.489.867 |
| Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 105.783.165.147 | 68.981.284.650 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 15 | 105.783.165.147 | 68.981.284.650 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 47.879.100.000 | 26.599.500.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 47.879.100.000 | 26.599.500.000 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 42.082.199.588 | 42.041.105.408 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 15.821.865.559 | 340.679.242 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | - | - |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 15.821.865.559 | 340.679.242 |
| TỔNG NGUỒN VỐN | 440 | | 126.372.450.042 | 131.117.392.717 |

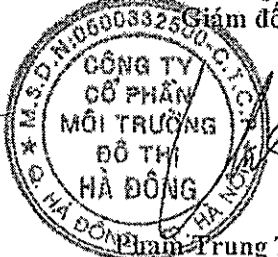
Người lập biểu


Lưu Thị Hồng Tường

Kế toán trưởng


Lê Thị Bích Hồng

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2017

Giám đốc

Phạm Trung Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| | | | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 16 | 208.203.925.240 | 224.376.374.286 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 17 | 14.173.000 | 47.396.000 |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 208.189.752.240 | 224.328.978.286 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 18 | 173.734.574.953 | 193.329.342.562 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 34.455.177.287 | 30.999.635.724 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 19 | 379.549.992 | 219.156.036 |
| Chi phí tài chính | 22 | 20 | 158.248.292 | 33.920.486 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 158.248.292 | 33.920.486 |
| Chi phí bán hàng | 25 | 21 | 1.131.275.855 | 675.937.554 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 21 | 11.537.527.236 | 10.488.488.271 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 22.007.675.896 | 20.020.445.449 |
| Thu nhập khác | 31 | 22 | 224.601.231 | - |
| Chi phí khác | 32 | 23 | 2.391.921.144 | - |
| Lợi nhuận khác | 40 | | (2.167.319.913) | - |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 19.840.355.983 | 20.020.445.449 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 24 | 4.361.659.500 | 4.404.497.998 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 15.478.696.483 | 15.615.947.451 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 25 | 3.330,2 | 5.870,8 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | 26 | - | - |

Người lập biểu



Lưu Thị Hồng Tường

Kế toán trưởng



Lê Thị Bích Hồng

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2017

Phòng Giám đốc



Phạm Trung Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--|-----------|----------------|-------------------------|-------------------------|
| | | | VND | VND |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 1 | | 218.739.289.170 | 253.406.527.184 |
| Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ | 2 | | (110.038.565.560) | (129.732.682.927) |
| Tiền chi trả cho người lao động | 3 | | (76.527.105.381) | (70.983.162.172) |
| Tiền lãi vay đã trả | 4 | | (158.248.292) | (33.920.486) |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 5 | | (8.420.161.918) | (1.722.724.565) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 6 | | 6.269.945.158 | 734.777.239 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 7 | | (30.768.666.443) | (9.382.196.143) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (903.513.266) | 42.286.618.130 |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (15.261.885.748) | (24.958.340.909) |
| Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 217.272.727 | |
| Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 387.110.437 | 219.156.036 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (14.657.502.584) | (24.739.184.873) |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp | 31 | | 21.279.600.000 | - |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | | 9.435.351.993 | 5.630.559.593 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (9.435.351.993) | (5.630.559.593) |
| Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (11.809.458.744) | (6.498.227.607) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 9.470.141.256 | (6.498.227.607) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | | | |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 4 | 27.070.336.030 | 16.021.130.380 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | | |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 4 | 20.979.461.436 | 27.070.336.030 |

Người lập biểu



Lưu Thị Hồng Tường

Kế toán trưởng



Lê Thị Bích Hồng

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2017

Giám đốc



Phạm Trung Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyên từ Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 07 tháng 06 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Môi trường Đô thị Hà Đông thành Công ty cổ phần. Ngày 04 tháng 09 năm 2007 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, thay đổi lần thứ 6 ngày 13 tháng 07 năm 2016, mã số doanh nghiệp số 0500332500.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 121 đường Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 47.879.100.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi bảy tỷ tám trăm bảy mươi chín triệu một trăm nghìn đồng./.*).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh theo đăng ký của Công ty bao gồm:

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải không độc hại: đô thị, công nghiệp;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải độc hại: đô thị, công nghiệp;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: xử lý môi trường làng nghề;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ lễ tang. Chi tiết: Quản lý nghĩa trang liệt sỹ, nghĩa trang quân nhân, dịch vụ tang lễ;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Quản lý, duy tu, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận chuyển vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Quản lý, vận hành hệ thống: thoát nước, công viên cây xanh, chiếu sáng công cộng, trang trí đô thị, tín hiệu giao thông
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ vui chơi, giải trí công viên;
- Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình (không bao gồm cho thuê lại lao động);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình vườn hoa, công viên cây xanh;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là:

Thu gom rác thải, thoát nước và xử lý nước thải, hoạt động dịch vụ phục vụ lễ tang, xây dựng công trình công ích (Quản lý, duy tu, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan (Quản lý, vận hành hệ thống: thoát nước, công viên cây xanh, chiếu sáng công cộng, trang trí đô thị, tín hiệu giao thông), vệ sinh nhà cửa và các công trình khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi thông tư 200) và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.5 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời gian sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời không quá 2 năm. Các chi phí đã chi trước cho hoạt động kinh doanh nhưng liên quan đến việc tạo ra doanh thu của nhiều năm tại chính Công ty ghi nhận là các khoản chi phí trả trước và tiến hành phân bổ tương ứng với số năm khai thác được doanh thu.

3.6 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.8 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.9 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, các bên liên quan của Công ty là bao gồm các cổ đông góp vốn, các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm 2016 được Công ty trình bày tại thuyết minh số 29.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sáu ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 1.482.348.273 | 1.932.815.475 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 15.497.113.163 | 17.137.520.555 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 4.000.000.000 | 8.000.000.000 |
| | <u>20.979.461.436</u> | <u>27.070.336.030</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG
Số 121 đường Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2016

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|--|-----------------------|--------------|-----------------------|----------------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Phải thu của khách hàng ngắn hạn | 42.454.734.919 | - | 34.193.675.575 | (318.575.000) |
| - Ban duy tu các công trình HTKT đô thị | 9.695.720.666 | - | 7.238.246.887 | - |
| - UBND Quận Hà Đông | 28.788.941.400 | - | 23.726.345.074 | - |
| - Ban quản lý dự án khu đô thị Mỹ Lao | 533.159.091 | - | - | - |
| - Chi nhánh Hà Tây công ty TNHH tập đoàn Nam Cường | 787.489.250 | - | - | - |
| - Các đối tượng khác | 2.649.424.512 | - | 3.229.083.614 | (318.575.000) |
| Phải thu của khách hàng dài hạn | - | - | - | - |
| | 42.454.734.919 | - | 34.193.675.575 | (318.575.000) |

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

6. PHẢI THU KHÁC

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|-------------------------|--------------------|--------------|----------------------|--------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Ngắn hạn | 848.924.328 | - | 3.243.756.176 | - |
| - Tạm ứng cho nhân viên | 728.986.400 | - | 2.649.280.860 | - |
| - Phải thu thuế TN CN | 119.937.928 | - | 383.003.679 | - |
| - Phải thu khác | - | - | 163.733.000 | - |
| - Kinh phí công đoàn | - | - | 47.738.637 | - |
| | 848.924.328 | - | 3.243.756.176 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG
Số 121 đường Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2016

7. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Giá gốc VND | | |
| Dự phòng VND | | |
| Nguyên liệu, vật liệu | 1.102.606.884 | 904.149.746 |
| Công cụ, dụng cụ | 83.154.901 | 1.114.863.200 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 2.274.115.719 | 3.268.103.532 |
| | 3.459.877.504 | 5.287.116.478 |

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|-------------------------|------------|----------------------|
| Giá đánh giá lại VND | | |
| Giá gốc VND | | |
| Xây dựng cơ bản dở dang | - | 2.745.454.545 |
| - Mua sắm tài sản | - | 2.745.454.545 |
| | - | 2.745.454.545 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG
Số 121 đường Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị dung cụ quản lý | Cộng |
|---------------------------|--------------------------|---------------------|---------------------------------------|--------------------------------|------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| NGUYỄN GIÁ | | | | | |
| 01/01/2016 | 23.705.083.177 | 3.999.435.381 | 62.532.873.036 | 235.730.000 | 90.473.121.594 |
| - Mua trong kỳ | - | 60.470.000 | 11.277.105.454 | 416.484.635 | 11.754.060.089 |
| - Đầu tư XD/CB hoàn thành | 3.507.825.659 | - | - | - | 3.507.825.659 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | (1.027.252.916) | - | (1.027.252.916) |
| 31/12/2016 | 27.212.908.836 | 4.059.905.381 | 72.782.725.574 | 652.214.635 | 104.707.754.426 |
| HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| 01/01/2016 | (1.726.664.183) | (2.380.666.384) | (36.460.681.729) | (183.887.254) | (40.751.899.550) |
| - Khấu hao trong kỳ | (1.428.442.752) | (412.999.866) | (7.436.618.845) | (83.392.908) | (9.361.454.371) |
| - Giảm khác | - | - | 960.155.278 | - | 960.155.278 |
| 31/12/2016 | (3.155.106.935) | (2.793.666.250) | (42.937.145.296) | (267.280.162) | (49.153.198.643) |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| 01/01/2016 | 21.978.418.994 | 1.618.768.997 | 26.072.191.307 | 51.842.746 | 49.721.222.044 |
| 31/12/2016 | 24.057.801.901 | 1.266.239.131 | 29.845.580.278 | 384.934.473 | 55.554.555.783 |

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là: 26.949.249.701 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG
Số 121 đường Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÀN HẠN

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|--|----------------------|---------------------------|-----------------------|---------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Ngàn hạn | 5.326.532.972 | 5.326.532.972 | 17.159.441.464 | 17.159.441.464 |
| - Công Ty TNHH Trường Kỳ | - | - | 1.696.573.848 | 1.696.573.848 |
| - Công ty Điện lực Hà Đông | 835.440.986 | 835.440.986 | 662.041.398 | 662.041.398 |
| - Công ty TNHH MTV Hợp Việt Nhật | 413.019.807 | 413.019.807 | 1.201.860.000 | 1.201.860.000 |
| - Công ty TNHH đầu tư và dịch vụ đô thị Phú Thành | 467.161.253 | 467.161.253 | 5.085.204.136 | 5.085.204.136 |
| - Chi nhánh Công ty TNHH Công nghệ và Thương mại T.T.C.I | 668.172.787 | 668.172.787 | 1.906.727.240 | 1.906.727.240 |
| - Nguyễn Tiến Thăng | 211.092.000 | 211.092.000 | 1.397.096.050 | 1.397.096.050 |
| - Các đối tượng khác | 2.731.646.139 | 2.731.646.139 | 5.209.938.792 | 5.209.938.792 |
| Dài hạn | - | - | - | - |
| | 5.326.532.972 | 5.326.532.972 | 17.159.441.464 | 17.159.441.464 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ HÀ ĐÔNG
Số 121 đường Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

| | 01/01/2016 | | Số phải nộp trong kỳ | | Số đã thực nộp trong kỳ | | 31/12/2016 | |
|--|----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|-------------------------|-----|------------------|------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Thuế và các khoản phải nộp | | | | | | | | |
| - Thuế giá trị gia tăng phải nộp (*) | 2.198.812.329 | 22.499.432.809 | 20.393.214.946 | 4.305.030.192 | - | - | - | - |
| - Thuế tiêu thụ đặc biệt | - | - | - | - | - | - | - | - |
| - Thuế xuất, nhập khẩu | - | - | - | - | - | - | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 4.603.962.595 | 4.662.843.964 | 8.420.161.918 | 846.644.641 | - | - | - | - |
| - Thuế thu nhập cá nhân (**) | 770.933.178 | 565.442.707 | 1.213.601.654 | 122.774.231 | - | - | - | - |
| - Thuế tài nguyên | - | - | - | - | - | - | - | - |
| - Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | 169.643.445 | 169.643.445 | - | - | - | - | - |
| - Thuế môn bài | - | - | - | - | - | - | - | - |
| - Các loại thuế khác | - | 6.000.000 | 6.000.000 | - | - | - | - | - |
| - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 1.006.633.340 | 1.006.633.340 | - | - | - | - | - |
| | 7.573.708.102 | 28.909.996.265 | 31.209.255.303 | 5.274.449.064 | | | | |
| Thuế và các khoản phải thu | | | | | | | | |
| - Thuế và các khoản phải thu nhà nước | - | - | 3.002.971 | 3.002.971 | - | - | 3.002.971 | 3.002.971 |
| | | | 3.002.971 | 3.002.971 | | | 3.002.971 | 3.002.971 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 201.696.281 | - |
| - Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 201.696.281 | - |
| Dài hạn | 2.711.073.820 | 1.344.403.945 |
| - Chi phí bằng tiền chờ phân bổ | 2.711.073.820 | 1.344.403.945 |
| | <u>2.912.770.101</u> | <u>1.344.403.945</u> |

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|-------------------------------------|--------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 250.744.344 | 13.804.402.577 |
| - Kinh phí công đoàn | 134.055.735 | - |
| - Bảo hiểm xã hội | - | 353.800.128 |
| - Bảo hiểm y tế | - | 113.524.775 |
| - Bảo hiểm thất nghiệp | - | 50.292.318 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 116.688.609 | 13.286.785.356 |
| Dài hạn | - | - |
| Số nợ quá hạn chưa thanh toán | - | - |
| | <u>250.744.344</u> | <u>13.804.402.577</u> |

14. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | 5.500.000.000 | 5.500.000.000 |
| - Dự phòng tiền lương phải trả | 5.500.000.000 | 5.500.000.000 |
| b) Dài hạn | - | - |
| | <u>5.500.000.000</u> | <u>5.500.000.000</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

| Khoản mục | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
|----------------------------|------------------------------|--------------------------|---|-----------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| 01/01/2015 | 26.599.500.000 | 30.944.416.761 | 2.111.656.601 | 59.655.573.362 |
| - Tăng vốn trong năm trước | | | 15.615.947.451 | 15.615.947.451 |
| - Trích lập các quỹ | - | 11.060.878.030 | (14.315.791.741) | (3.254.913.711) |
| - Cổ tức trong năm | - | - | (3.830.328.000) | (3.830.328.000) |
| - Tăng khác | - | 35.810.617 | 775.682.966 | 811.493.583 |
| - Giảm khác | - | - | (16.488.035) | (16.488.035) |
| 31/12/2015 | 26.599.500.000 | 42.041.105.408 | 340.679.242 | 68.981.284.650 |
| 01/01/2016 | 26.599.500.000 | 42.041.105.408 | 340.679.242 | 68.981.284.650 |
| - Tăng vốn trong năm nay | 21.279.600.000 | | | 21.279.600.000 |
| - Lãi trong năm | - | - | 15.478.696.483 | 15.478.696.483 |
| - Trích lập các quỹ | - | 41.094.180 | (42.658.422) | (1.564.242) |
| - Tăng khác | | | 45.148.256 | 45.148.256 |
| 31/12/2016 | 47.879.100.000 | 42.082.199.588 | 15.821.865.559 | 105.783.165.147 |

15.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

| | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|---------------------------|-------------------|-------------------|
| Ủy Ban nhân dân TP Hà Nội | 12.209.920.000 | 11.099.930.000 |
| Ông Nguyễn Hoài Nam | 5.027.390.000 | 4.305.950.000 |
| Ông Nguyễn Thế Thành | 7.769.990.000 | - |
| Ông Trần Văn Hùng | 3.139.640.000 | 23.625.000 |
| America LLC | 5.047.240.000 | 1.321.000.000 |
| Cổ đông khác | 14.684.920.000 | 9.848.995.000 |
| | 47.879.100.000 | 26.599.500.000 |

15.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|---------------------------|-----------------|-----------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 26.599.500.000 | 26.599.500.000 |
| + Vốn góp đầu năm | 26.599.500.000 | 26.599.500.000 |
| + Vốn góp tăng trong năm | 21.279.600.000 | - |
| + Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| + Vốn góp cuối năm | 47.879.100.000 | 26.599.500.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | 18.146.119.741 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15.4 CỔ PHIẾU

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|------------|------------|
| | CP | CP |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 4.787.910 | 2.659.950 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 4.787.910 | 2.659.950 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 4.787.910 | 2.659.950 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| + Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 4.787.910 | 2.659.950 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 4.787.910 | 2.659.950 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu) | 10.000 | 10.000 |

16. DOANH THU BÁN HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 208.203.925.240 | 224.376.374.286 |
| Thu phí Vệ sinh môi trường | 22.944.778.144 | 20.567.770.139 |
| Doanh thu từ hoạt động công ích UBND quận Hà Đông | 141.144.327.455 | 148.847.451.000 |
| Doanh thu từ hoạt động công ích Ban duy tu | 27.545.306.235 | 39.258.301.455 |
| Doanh thu hưng táng, cải táng, xây dựng mộ, vườn hoa nghĩa trang | 2.971.773.819 | 3.068.860.600 |
| Doanh thu dịch vụ vận chuyển | 123.923.637 | - |
| Doanh thu dịch vụ khác | 13.473.815.950 | 12.633.991.092 |
| | <u>208.203.925.240</u> | <u>224.376.374.286</u> |

17. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|------------------------------|------------|------------|
| | VND | VND |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 14.173.000 | 47.396.000 |

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ | 173.734.574.953 | 193.329.342.562 |
| | <u>173.734.574.953</u> | <u>193.329.342.562</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 379.549.992 | 219.156.036 |
| | <u>379.549.992</u> | <u>219.156.036</u> |

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|-------------------|--------------------|-------------------|
| - Chi phí lãi vay | 158.248.292 | 33.920.486 |
| | <u>158.248.292</u> | <u>33.920.486</u> |

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2016 VND |
|--|-----------------------|
| a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp | 11.537.527.236 |
| - Chi phí nhân viên quản lý | 7.540.458.988 |
| - Chi phí vật liệu quản lý | 36.275.000 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.215.364.219 |
| - Thuế, phí và lệ phí | 175.643.445 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 517.838.037 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 2.051.947.547 |
| b. Các khoản chi phí bán hàng | 1.131.275.855 |
| - Chi phí nhân viên | - |
| - Chi phí bán hàng khác | 1.131.275.855 |

22. THU NHẬP KHÁC

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|---------------------------|--------------------|-----------------|
| Thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 150.377.839 | - |
| Các khoản khác | 74.223.392 | - |
| | <u>224.601.231</u> | <u>-</u> |

23. CHI PHÍ KHÁC

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|--------------------------|----------------------|-----------------|
| - Các khoản bị phạt | 1.006.633.340 | - |
| - Các khoản chi phí khác | 1.385.287.804 | - |
| | <u>2.391.921.144</u> | <u>-</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 19.840.355.983 | 20.020.445.449 |
| Các khoản chi phí không được khấu trừ | 1.967.941.396 | - |
| Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế | - | - |
| -Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | - | - |
| Chuyển lỗ các năm trước | - | - |
| Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ | 21.808.297.379 | 20.020.445.449 |
| Thuế suất | 20% | 22% |
| Thuế TNDN phải trả ước tính | 4.361.659.500 | 4.404.497.998 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 4.361.659.500 | 4.404.497.998 |

25. LỖ TRÊN CỔ PHIẾU

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---|----------------|----------------|
| Lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) | 15.478.696.483 | 15.615.947.451 |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP) | 4.647.989 | 2.659.950 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) | 3.330 | 5.871 |

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---------------------------|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận thuần trong năm | 15.478.696.483 | 15.615.947.451 |

ii) Số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---|-----------|-----------|
| | CP | CP |
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm | 2.659.950 | 2.659.950 |
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm | 2.127.960 | - |
| Phát hành ngày 25/01/2016 | 2.127.960 | - |
| Cổ phiếu quỹ | - | - |
| Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm | 4.647.989 | 2.659.950 |

26. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, Công ty không xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2016 VND |
|---------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu | 39.910.222.454 |
| Chi phí nhân công | 83.354.756.727 |
| Khấu hao tài sản cố định | 9.372.706.821 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 31.419.260.710 |
| Chi phí bằng tiền khác | 22.346.431.332 |
| | <u>186.403.378.044</u> |

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.12.

Các loại công cụ tài chính

| | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 20.979.461.436 | 27.070.336.030 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 43.303.659.247 | 37.437.431.751 |
| | <u>64.283.120.683</u> | <u>64.507.767.781</u> |
| | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
| Nợ phải trả tài chính | | |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 5.443.221.581 | 30.963.844.041 |
| Chi phí phải trả | - | 3.905.630.909 |
| | <u>5.443.221.581</u> | <u>34.869.474.950</u> |
| Trạng thái ròng | <u>58.839.899.102</u> | <u>29.638.292.831</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến rủi ro thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và dòng tiền của các khoản gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1-5 năm VND | Tổng VND |
|-------------------------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------|
| 31/12/2016 | | | |
| Vay và nợ ngắn hạn | - | - | - |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 5.443.221.581 | - | 5.443.221.581 |
| | 5.443.221.581 | - | 5.443.221.581 |
| 01/01/2016 | | | |
| Vay và nợ ngắn hạn | - | - | - |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 30.963.844.041 | - | 30.963.844.041 |
| Chi phí phải trả | 3.905.630.909 | - | 3.905.630.909 |
| | 34.869.474.950 | - | 34.869.474.950 |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1-5 năm VND | Tổng VND |
|--------------------------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------|
| 31/12/2016 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 20.979.461.436 | - | 20.979.461.436 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 43.303.659.247 | - | 43.303.659.247 |
| | 64.283.120.683 | - | 64.283.120.683 |
| 01/01/2016 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 27.070.336.030 | - | 27.070.336.030 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 37.437.431.751 | - | 37.437.431.751 |
| | 64.507.767.781 | - | 64.507.767.781 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. THÔNG TIN KHÁC

29.1 BÊN LIÊN QUAN

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|--|-----------------|-----------------|
| Thu nhập của Hội đồng Quản trị và ban Tổng Giám đốc | | |
| Tiền lương, thưởng | 1.259.167.692 | 1.259.167.692 |
| Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát | 600.000.000 | 600.000.000 |

29.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K.

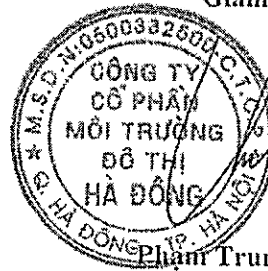
Người lập biểu

Lưu Thị Hồng Tường

Kế toán trưởng

Lê Thị Bích Hồng

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2017
Giám đốc



Phạm Trung Thành